

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2019.

V/v: “*tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Huy Lập

2. Ông Dương Hải Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan – Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường D, phường A, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh **Triệu B (Triệu B)**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Địa chỉ: đường D, phường A, thành phố L, tỉnh Đ.

(Chị A có mặt, anh **Triệu B** có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu B kết hôn vào ngày 28/12/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố L, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân khi tổ chức đám cưới mẹ chồng không tham

dự nhưng anh Triệu B cũng không giải thích cho chị lý do vì sao, từ đó mâu thuẫn kéo dài, anh Triệu B hay ghen tuông vô cớ ảnh hưởng đến công việc của chị, không quan tâm đến vợ con, từ lúc sinh con đến nay chị là người chăm sóc con, khi con ốm đau, bệnh tật đi bệnh viện anh Triệu B cũng không chăm sóc, quan tâm đến con. Ngoài ra, khi vợ chồng cãi nhau mẹ chị có nhắc nhở thì anh Triệu B quay sang chửi và đòi đánh mẹ chị. Đến cuối năm 2017 vì muốn vợ chồng hàn gắn với nhau nên mẹ chị có cho hai vợ chồng ra ở riêng nhưng anh Triệu B vẫn chứng nào tật ấy nên vợ chồng không thể hòa giải được, đã sống ly thân từ tháng 9/2018. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Triệu Anh.

Về con chung: Có hai con chung tên Triệu Bảo H, sinh ngày 08/11/2014 và Triệu Vũ H, sinh ngày 08/11/2014. Chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu từ nhỏ tới giờ nên chị yêu cầu được nuôi hai con đến đủ mười tám tuổi, không yêu cầu anh Triệu B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2019 và biên bản hòa giải ngày 05/4/2019 bị đơn anh Triệu B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về mối quan hệ hôn nhân như lời trình bày của chị A là đúng. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa mẹ anh và mẹ của chị A vì mâu thuẫn đất đai dẫn đến anh có hành động không đúng với mẹ chị A. Chị A có những hành vi, cư xử không đúng mực trong công tác và ngoại giao, chị A có con nhỏ nhưng thường đi về khuya không quan tâm đến con cái nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, thậm chí xô xát lẫn nhau, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Chị A cho rằng mâu thuẫn bắt nguồn từ khi cưới mẹ anh không tham dự là không đúng vì khi đó mẹ anh đang bị tai nạn giao thông nằm điều trị ở TP.HCM. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn khả năng khắc phục, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên theo yêu cầu ly hôn của chị A thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Triệu Bảo H, sinh ngày 08/11/2014 và Triệu Vũ H, sinh ngày 08/11/2014. Chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu từ nhỏ nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thùy A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Triệu B đã được triệu tập hợp lệ tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Triệu B có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, nguyên đơn, bị đơn và thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 68, 96, 97, Điều 208 đến Điều 211 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thùy A và anh Triệu B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, xử cho chị A và anh Triệu B được ly hôn, giao hai con chung tên Triệu Bảo H, sinh ngày 08/11/2014 và Triệu Vũ Hoàng, sinh ngày 08/11/2014 cho chị A trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành. Chị A không yêu cầu anh Triệu B cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thùy A với bị đơn anh Triệu B (Triệu B) theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Triệu B đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Triệu B có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu B.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Triệu B là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo chị A trình

bày trong quá trình chung sống ngay từ đầu vợ chồng đã có khúc mắc về vấn đề cưới hỏi không được giải quyết, anh Triệu B không quan tâm đến vợ con, hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, có lần xảy ra xô xát lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn gay gắt không hàn gắn được. Anh Triệu B cũng trình bày vợ chồng thường xảy ra cãi vã, có lần dẫn đến xô xát lẫn nhau do sự can thiệp của người lớn (bố mẹ hai bên) quá nhiều nên hai vợ chồng không hàn gắn được mâu thuẫn. Hai vợ chồng thừa nhận hiện đã sống ly thân với nhau. Anh Triệu B không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng qua các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án, anh Triệu B đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được và chị A trình bày anh Triệu B cũng không có thiện chí hòa giải. Qua xác minh tổ trưởng tổ dân phố nơi hai vợ chồng sinh sống thì không biết được mâu thuẫn của chị A và anh Triệu B. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa chị Nguyễn Thùy A và anh Triệu B mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn với anh Triệu B là phù hợp và đúng pháp luật.

Về con chung: Chị A và anh Triệu B có hai con chung tên Triệu Bảo H, sinh ngày 08/11/2014 và Triệu Vũ H, sinh ngày 08/11/2014, chị A có nguyện vọng được nuôi hai con chung cho đến khi hai con đủ mười tám tuổi. Xét thấy, chị A là người chăm sóc hai con từ nhỏ và hiện nay con chung đang có cuộc sống ổn định với chị A, chị A cung cấp chứng cứ chứng minh chị công tác tại Kho bạc Nhà nước có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000đ/1 tháng nên đảm bảo điều kiện nuôi con, hơn nữa anh Triệu B trình bày trong trường hợp tòa giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao hai con chung cho chị Nguyễn Thùy A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị A không yêu cầu anh Triệu B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thùy A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thùy A được ly hôn với anh Triệu B (Triệu B).

2. *Về con chung*: Giao hai con chung tên Triệu Bảo H, sinh ngày 08/11/2014 và Triệu Vũ H, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Nguyễn Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thùy A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011974 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thùy A có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, anh Triệu B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS thành phố Đà Lạt;
- THADS thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đ;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Vân Hồng